

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 118/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp từ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh) về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) và việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp Tổng công ty đã tiếp nhận về các Bộ, UBND cấp tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ, UBND cấp tỉnh.
2. Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.
3. Doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định tại Thông tư này.
4. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Đối tượng chuyển giao

1. Tổng công ty thực hiện tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước từ các Bộ, UBND cấp tỉnh tại các doanh nghiệp theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 151/2013/NĐ-CP), cụ thể như sau:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) nhà nước một thành viên được chuyển đổi từ công ty nhà nước độc lập hoặc mới thành lập trực thuộc các Bộ, UBND cấp tỉnh;
- b) Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập trực thuộc các Bộ, UBND cấp tỉnh;
- c) Công ty liên doanh có vốn góp nhà nước do các Bộ, UBND cấp tỉnh làm đại diện chủ sở hữu;
- d) Công ty cổ phần được chuyển đổi từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập trực thuộc các Bộ, UBND cấp tỉnh;
- đ) Tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng công ty không tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp sau:

- a) Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh;
- b) Doanh nghiệp chủ yếu làm nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm, dịch vụ công ích trên tổng doanh thu của 03 năm liên tiếp liền kề trước thời điểm xem xét chuyển giao đạt từ 50% trở lên;
- c) Các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với các công ty TNHH nhà nước một thành viên độc lập trực thuộc các Bộ, UBND cấp tỉnh đang tổ chức triển khai công tác sắp xếp, chuyển đổi sở hữu theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giai đoạn 2011 - 2015 không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này, Tổng công ty thực hiện tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước (nếu còn vốn nhà nước) sau khi công tác sắp xếp, chuyển đổi hoàn thành.

Chương II

CHUYỂN GIAO QUYỀN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC TẠI TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Nguyên tắc chuyển giao

1. Việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp về Tổng công ty phải đảm bảo nguyên tắc: công khai; minh bạch; có kế thừa; không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; có sự phối hợp giữa các bên để cùng xử lý các vấn đề phát sinh trong và sau quá trình chuyển giao theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức chuyển giao được thực hiện theo từng doanh nghiệp và có đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trường hợp sau khi chuyển giao, nếu số liệu có thay đổi, các bên liên quan theo quy định tại Điều 6 Thông tư này phối hợp làm rõ nguyên nhân, đưa ra biện pháp xử lý và điều chỉnh lại số liệu chuyển giao chính thức.

4. Đối với doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ hoặc không còn vốn nhà nước thuộc đối tượng chuyển giao, cơ quan đang thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp này phải xử lý dứt điểm các tồn tại theo quy định của pháp luật mới thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp và phải xác định rõ, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân không chấp hành quy định của pháp luật để gây ra tổn thất cho Nhà nước (nếu có).

5. Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước có sự thay đổi quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì cơ quan đang thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước phải chịu trách nhiệm về quyết định thay đổi này.

Doanh nghiệp thuộc đối tượng Tổng công ty tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước sau thời điểm Thông tư này có hiệu lực, khi Tổng công ty chưa thực hiện việc tiếp nhận thì các Bộ, UBND cấp tỉnh chỉ đạo Người đại diện hoặc cơ quan liên quan xem xét, biểu quyết việc không thay đổi quy mô và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp, ngoại trừ việc điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

6. Đối với các doanh nghiệp Tổng công ty đã tiếp nhận và đang thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước, trường hợp Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo việc chuyển giao lại quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp từ Tổng công ty về Bộ, UBND cấp tỉnh thì Tổng công ty phối hợp với các Bộ, UBND cấp tỉnh triển khai công tác chuyển giao lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Nguyên tắc, nội dung, hồ sơ, trình tự chuyển giao lại quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp từ Tổng công ty về các Bộ, UBND cấp tỉnh được thực hiện tương tự việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp từ các Bộ, UBND cấp tỉnh về Tổng công ty theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển giao lại quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước theo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, khi chưa thực hiện việc chuyển giao thì Tổng công ty chỉ đạo Người đại diện xem xét, biểu quyết việc không thay đổi quy mô và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 5. Nội dung chuyển giao

1. Đối với công ty cổ phần là giá trị cổ phần nhà nước (tính theo mệnh giá) đầu tư tại doanh nghiệp và các khoản tiền của Nhà nước còn phải thu hồi (nếu có).

2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh là giá trị sổ sách phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và các khoản tiền của Nhà nước còn phải thu hồi (nếu có).

Điều 6. Thành phần chuyển giao

1. Bên giao là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền bằng văn bản.

2. Bên nhận là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc người được ủy quyền bằng văn bản.

Điều 7. Thời gian thực hiện chuyển giao

1. Doanh nghiệp có vốn nhà nước góp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thuộc đối tượng chuyển giao quy định tại khoản 1 Điều 3, Tổng công ty phối hợp với các Bộ, UBND cấp tỉnh triển khai công tác chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa thuộc đối tượng chuyển giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Thông tư này, Tổng công ty phối hợp với các Bộ, UBND cấp tỉnh triển khai công tác chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, ngoại trừ các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển giao theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 3 Thông tư này, Tổng công ty phối hợp với các Bộ, UBND cấp tỉnh triển khai công tác chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

4. Doanh nghiệp còn lại thuộc đối tượng chuyển giao theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này, Tổng công ty phối hợp với các Bộ, UBND cấp tỉnh triển khai công tác chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Điều 8. Căn cứ xác định số liệu chuyển giao

1. Đối với doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp thực hiện chuyển giao ngay trong năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu sau khi chuyển đổi thì số liệu chuyển giao được xác định tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Đối với các doanh nghiệp còn lại thì số liệu chuyển giao được xác định là số liệu trên báo cáo tài chính năm hoặc quý đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển giao được lập theo đúng chế độ quy định.

Trường hợp doanh nghiệp chưa có báo cáo tài chính năm hoặc quý đã kiểm toán thì số liệu chuyển giao xác định là số liệu trên báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của doanh nghiệp. Tổng công ty thuê kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp và điều chỉnh số liệu chuyển giao (nếu có) theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

Điều 9. Hồ sơ chuyển giao

1. Hồ sơ chuyển giao được lập theo từng doanh nghiệp, bao gồm:

a) Báo cáo giá trị vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (chi tiết theo Phụ lục số 01);

b) Báo cáo các khoản tiền nhà nước còn phải thu hồi từ doanh nghiệp (chi tiết theo Phụ lục số 02);

c) Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (chi tiết theo Phụ lục số 03);

d) Thông tin về người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (chi tiết theo Phụ lục số 04);

đ) Biên bản chuyển giao (theo Phụ lục số 05).

Trong Hồ sơ chuyển giao phải xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan đến việc quản lý, sử dụng khoản tiền thu của nhà nước tại thời điểm lập hồ sơ làm cơ sở chuyển giao và những vấn đề tồn tại cần tiếp tục phối hợp giải quyết sau chuyển giao.